

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 25-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm, bà Hoàng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh ngày 12/8/1970 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 13, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
Nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh;
giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1940 và bà Phạm Thị L, đã chết; có vợ Đào Thị Kim L, sinh năm 1984 và 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án số 03/ST-HS ngày 13/11/1990 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tuyên xử phạt Nguyễn Xuân T 09 tháng tù về tội Xuất cảnh trái phép.

+ Bản án số 29/STHS ngày 20/7/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Xuân T 05 năm tù về tội Xuất cảnh trái phép và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân. Bản án phúc thẩm hình sự số 1746 ngày 22/12/1992 của Tòa án nhân dân tối cao giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

+ Bản án số 113/STHS ngày 25/11/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Xuân T 10 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Vu khống; đã chấp hành xong bản án ngày 26/10/2007.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14 ngày 16/6/2015 của Công an phường P, thành phố Tuyên Quang đối với Nguyễn Xuân T về hành vi Đánh nhau, hình thức phạt tiền, đã thi hành xong ngày 23/6/2015.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Hồng S, sinh năm 1983 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

2. Anh Trần Hồng L, sinh năm 1957 (*có mặt*);

Đều trú tại: Thôn 2, xã K, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1968 (*có mặt*);

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

4. Chị Đào Thị Kim L, sinh năm 1984 (*có mặt*);

Nơi cư trú: Tổ 13, phường P, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị Kim D, sinh năm 1975 (*vắng mặt*);

2. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1971 (*vắng mặt*);

Đều trú tại: Tổ 01, phường Ý La, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

(*đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970, trú tại tổ 13, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang cùng với vợ là chị Đào Thị Kim L hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại nhà từ năm 2009 đến nay. Năm 2016 (không xác định được thời gian cụ thể), T cho anh Trần Hồng S, trú tại xóm 2, xã K, thành phố Tuyên Quang vay 150.000.000 đồng, với lãi suất thoả thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*tương đương lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự*); anh S viết giấy vay tiền và đưa cho T cùng với Bằng tốt nghiệp đại học của mình để làm tin. Sau đó, anh S trả tiền lãi cho T bằng cách chuyển khoản và trả tiền mặt, nhưng do không trả đủ tiền lãi theo thoả thuận, nên anh S không nhớ được số tiền lãi đã trả cho T là bao nhiêu. Quá trình điều tra, chỉ xác định được trong năm 2018, anh S đã trả cho T 55.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 06 lần chuyển khoản trong các ngày 08/6, 28/6, 31/8, 09/9, 09/10, và 18/10, với tổng số tiền là 25.500.000 đồng vào tài khoản số 34110000994445 của chị L (vợ của T), mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển. Đến ngày 24/12/2018 anh S nhờ bố để là ông Trần Hồng L trả cho T 49.500.000 đồng tiền mặt và T đã nhờ anh trai là Nguyễn Trường T, trú tại tổ 3, phường P, thành phố Tuyên Quang đến nhà ông L nhận số tiền trên rồi về đưa hết cho T. Sau đó vài ngày, anh S đến nhà T cùng thống nhất đối với số tiền 49.500.000 đồng mà ông L đã trả cho T, trong đó trừ 20.000.000 đồng vào tiền gốc và 29.500.000 đồng trả tiền lãi.

Tính đến ngày 24/12/2018, anh S còn nợ T tiền gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất vẫn tính là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Từ ngày 24/12/2018 đến ngày 21/10/2019, anh S đã trả tiền lãi đầy đủ cho T theo thỏa thuận bằng cách chuyển tiền vào tài khoản số 8106205068335 của T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, hoặc các tài khoản của chị L (vợ T) số 34110000994445 mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển; số 105001301699 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương, với số tiền là 29.900.000 đồng (thời gian chuyển tiền vào các ngày 16/4, 11/6, 08/8, 01/9 và 21/10/2019). Ngoài ra, anh S còn nhiều lần trả tiền lãi cho T bằng tiền mặt, với số tiền là 87.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà T đã thu của anh S là 117.000.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 24/12/2018 đến ngày 21/10/2019 (300 ngày), Nguyễn Xuân T đã cho anh Trần Hồng S vay 130.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tổng số tiền lãi T đã thu của anh S là 117.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.369.863 đồng; T hưởng lợi bất chính số tiền là 95.630.137 đồng.

Sau thời điểm ngày 21/10/2019, anh S đã xin T giảm lãi suất đối với khoản vay trên từ 3.000 đồng xuống 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*trương đương lãi suất 36,5%/năm*), T nhất trí. Đến ngày 30/12/2021, anh S đã trả xong cho T cả tiền gốc và tiền lãi của khoản vay này, trong đó 130.000.000 đồng tiền gốc và 93.000.000 đồng tiền lãi (*trương đương với lãi suất 1.900 đồng/1.000.000 đồng/ngày, 69,35%/năm*); anh S tự nguyện trả tiền lãi cho T với mức lãi xuất trên.

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKSTQ-P1 ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Xuân T từ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đến 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền gốc 130.000.000 đồng và số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.369.863 đồng, tổng cộng là 151.369.863 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Hồng S số tiền 95.630.137 đồng (*Chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

Trả lại cho bị cáo số tiền 389.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi chín triệu đồng*) do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 24/12/2018 đến ngày 21/10/2019, Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970, trú tại tổ 13, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã sử dụng 130.000.000 đồng để cho anh Trần Hồng S, trú tại xóm 2, xã K, thành phố Tuyên Quang vay, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*tương đương lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự*), hưởng lợi bất chính số tiền là 95.630.137 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý kinh tế, tiền tệ của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn; không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe, có nhận thức, biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh, để nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như giáo dục ý thức pháp luật chung trong quần chúng nhân dân.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 130.000.000 mà bị cáo T sử dụng cho vay. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với khoản tiền lãi 95.630.137 đồng mà bị cáo Nguyễn Xuân T đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hồng S vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Như vậy, bị cáo Nguyễn Xuân T phải trả cho anh Trần Hồng S số tiền 95.630.137 đồng

- Đối với khoản tiền lãi 21.369.863 đồng không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã thu của người vay. Đây là số tiền bị cáo Nguyễn Xuân T thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với số tiền 389.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Đối với khoản vay 150.000.000 đồng, mà bị cáo T cho anh S vay từ thời điểm năm 2016 đến trước ngày 24/12/2018 và thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*tương đương lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự*). Tuy nhiên, anh S không nhớ được đã trả cho T bao nhiêu tiền lãi và quá trình điều tra chỉ chứng minh được anh S trả cho T 55.000.000 đồng tiền lãi cho khoản vay này (chuyển khoản 25.500.000 đồng; trả tiền mặt 29.500.000 đồng), nên không đủ căn cứ để xem xét, xử lý.

- Đối với khoản vay 130.000.000 đồng, từ sau ngày 21/10/2019, anh S đã xin T giảm lãi suất từ 3.000 đồng xuống 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*tương đương lãi suất 36,5%/năm*) và T nhất trí. Đến ngày 30/12/2021, anh S trả cho T 130.000.000 đồng tiền gốc và 93.000.000 đồng tiền lãi (*tương đương với lãi suất 1.900 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 69,35%/năm*). Mức lãi suất này chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, nên không đề cập xử lý.

- Ngoài ra, quá trình điều tra xác định bị cáo T còn cho 05 cá nhân khác vay tiền, các khoản vay trên T thu lãi chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất tối đa theo quy

định của Bộ luật Dân sự (hoặc người vay không nhớ được thời gian trả tiền lãi và số tiền lãi đã trả cho T là bao nhiêu); người vay không phải cầm cố, thế chấp tài sản gì. Do đó, hành vi của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không đủ căn cứ để xem xét, xử lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền gốc 130.000.000 đồng và số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.369.863 đồng, tổng cộng là 151.369.863 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Hồng S, trú tại thôn 2, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 95.630.137 đồng (*Chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi một trăm ba mươi bảy đồng*)

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 389.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi chín triệu đồng*) đã thu giữ trong quá trình điều tra (hiện đã được chuyển đến tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chỉ số 02/220803_1006751_2461002 lập ngày 03/8/2022), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ: Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa (được kháng cáo phần có liên quan) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang
(CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Hồng Thắng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang
(CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

